

KẾ HOẠCH

Hành động nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan Nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-UBQGCS ngày 04/4/2023 của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số ban hành Kế hoạch hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số năm 2023,

UBND tỉnh Bình Phước ban hành Kế hoạch hành động nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Bình Phước với, những nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến của tỉnh. Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến và tăng tỷ lệ hồ sơ trực tuyến. Qua đó, thúc đẩy quá trình chuyển đổi số của tỉnh, xây dựng chính quyền số và xã hội số.

2. Đảm bảo 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình; 50% dịch vụ công trực tuyến toàn trình được tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.

3. Triển khai chức năng kho dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh để người dân, doanh nghiệp chỉ phải cung cấp thông tin một lần cho cơ quan nhà nước khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

4. Giao nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị và gắn trách nhiệm với người đứng đầu cơ quan, đơn vị để đạt được mục tiêu 50% hồ sơ thủ tục hành chính được người dân, doanh nghiệp thực hiện trực tuyến.

5. Việc triển khai các nhiệm vụ, giải pháp cần đảm bảo nguyên tắc lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ; tận dụng tối đa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các Bộ, ngành trung ương và của tỉnh phục vụ giải quyết thủ tục hành chính một cách hiệu quả, góp phần hiện đại hoá và đơn giản

hoá thủ tục hành chính.

6. Đảm bảo đồng bộ với việc triển khai thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

II. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ

1. Giao chỉ tiêu về cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến năm 2023 (*Chi tiết tại Phụ lục I*).

2. Các nhiệm vụ cụ thể nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Bình Phước (*Chi tiết tại Phụ lục II*).

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành; nguồn xã hội hóa và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Văn phòng UBND tỉnh

Triển khai các nhiệm vụ được phân công trong Kế hoạch; phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông, Công an tỉnh và các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố trong quá trình triển khai để thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ tại Kế hoạch.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan đôn đốc, kiểm tra, theo dõi việc thực hiện Kế hoạch này; hằng quý tổng hợp, thống kê số liệu phục vụ đánh giá mức độ thực hiện các chỉ tiêu; phối hợp với Sở Nội vụ đánh giá, xếp hạng kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính và chuyển đổi số của các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố.

b) Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí đẩy mạnh công tác tuyên truyền về ý nghĩa, tầm quan trọng, các quy trình thực hiện dịch vụ công trực tuyến; tuyên truyền các mô hình tốt, cách làm hay, sáng tạo, hiệu quả trong triển khai thực hiện Kế hoạch.

c) Hướng dẫn các cơ quan triển khai theo phạm vi thẩm quyền; kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết.

3. Công an tỉnh

Phối hợp chặt chẽ với Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông để thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ tại Kế hoạch; triển khai Đề án 06 với việc thúc đẩy hiệu quả sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xem xét, cân đối, tham mưu bố trí nguồn kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ trong kế hoạch này đúng theo quy định hiện hành.

5. Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Chủ động thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch này;

- Thực hiện các hoạt động hỗ trợ, hướng dẫn, tuyên truyền để người dân, doanh nghiệp tăng cường sử dụng các dịch vụ công trực tuyến, thực hiện trực tuyến từ xa;

- Tổ chức thực hiện đạt chỉ tiêu tối thiểu được giao thuộc thẩm quyền và phạm vi quản lý của các cơ quan, đơn vị, địa phương; hàng quý thống kê, báo cáo kết quả thực hiện các chỉ tiêu gửi Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh;

- UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ nguồn lực thực tế tại địa phương để chỉ đạo, giao chỉ tiêu thực hiện đến các xã, phường, thị trấn thuộc phạm vi quản lý thực hiện đạt chỉ tiêu tối thiểu UBND tỉnh giao.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh

Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên tích cực tìm hiểu, khai thác sử dụng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh.

7. Đài Phát thanh-Truyền hình và Báo Bình Phước

Đẩy mạnh tuyên truyền, đăng, phát các nội dung liên quan đến việc cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

Trên đây là Kế hoạch hành động nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Bình Phước. UBND tỉnh yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện Kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương có văn bản đề xuất gửi về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo đề xuất UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Bộ TT&TT (để b/c);
- TT Tỉnh uỷ, TT HĐND (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các tổ chức Ctrị - Xã hội của tỉnh;
- Đài PT-TH & Báo Bình Phước;
- LĐVP; các phòng, ban, TT;
- Lưu: VT,PKSTTHC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Tuyết Minh

Phụ lục I
GIAO CHỈ TIÊU VỀ CUNG CẤP, SỬ DỤNG DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN,
THANH TOÁN TRỰC TUYẾN, GIẢI QUYẾT HỒ SƠ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NĂM 2023
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh Bình Phước)

| ST T | Tên nhiệm vụ | Đơn vị chủ trì | Cơ quan, đơn vị phối hợp | Thực hiện trong năm 2023 | | Căn cứ giao chỉ tiêu |
|-----------|--|---|---|-----------------------------|---|---|
| | | | | Đơn vị tính | Giao chỉ tiêu | |
| I | Chỉ tiêu về cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia | | | | | |
| | Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình được tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia | Sở Thông tin và Truyền thông | Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố | % | 50 | Quyết định số 17/QĐ-UBQGCĐS ngày 04/4/2023 của Ủy ban Quốc gia về Chuyển đổi số |
| II | Chỉ tiêu về sử dụng dịch vụ công trực tuyến | | | | | |
| 1 | Tỷ lệ thủ tục hành chính cung cấp trực tuyến mức độ toàn trình và một phần có phát sinh hồ sơ | Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố | Văn phòng UBND tỉnh | | TTHC trực tuyến thì phải phát sinh hồ sơ trực tuyến | Quyết định số 922/QĐ-BTTTT ngày 20/5/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông |
| 2 | Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được người dân, doanh nghiệp thực hiện trực tuyến | Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, | Văn phòng UBND tỉnh | % | 50 | Quyết định số 17/QĐ-UBQGCĐS ngày 04/4/2023 của Ủy ban Quốc gia về Chuyển đổi số |

| ST T | Tên nhiệm vụ | Đơn vị chủ trì | Cơ quan, đơn vị phối hợp | Thực hiện trong năm 2023 | | Căn cứ giao chỉ tiêu |
|------------|--|---|---|-----------------------------|------------------|--|
| | | | | Đơn vị tính | Giao chỉ tiêu | |
| | | thành phố | | | | |
| 3 | Tỷ lệ kết quả xử lý hồ sơ thủ tục hành chính được đồng bộ đầy đủ trên Cổng dịch vụ công quốc gia | Văn phòng UBND tỉnh | Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố | % | 100 | Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ |
| III | Chỉ tiêu về thanh toán trực tuyến | | | | | |
| 1 | Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công | Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố | Văn phòng UBND tỉnh | % | 30 | Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ |
| 2 | Tỷ lệ thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia | Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố | Văn phòng UBND tỉnh | % | 60 | Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ |
| 3 | Tỷ lệ thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh | Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố | Văn phòng UBND tỉnh | % | 100 | Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ |

| ST T | Tên nhiệm vụ | Đơn vị chủ trì | Cơ quan, đơn vị phối hợp | Thực hiện trong năm 2023 | | Căn cứ giao chỉ tiêu |
|-----------|---|---|------------------------------|-----------------------------|------------------|---|
| | | | | Đơn vị tính | Giao chỉ tiêu | |
| IV | Chỉ tiêu về kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính (bao gồm hồ sơ nộp trực tiếp và trực tuyến) | | | | | |
| | Tỷ lệ hồ sơ do cơ quan chuyên môn cấp tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã được giải quyết trước hạn và đúng hạn | Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố | Văn phòng UBND tỉnh | % | 99 | Quyết định số 876/QĐ-BNV ngày 10/11/2022 của Bộ Nội vụ |
| V | Chỉ tiêu về số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực | | | | | |
| | Số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực đối với kết quả thuộc thẩm quyền | Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố | Sở Thông tin và Truyền thông | % | | Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ |
| | - <i>Cấp tỉnh</i> | | | | 70 | |
| | - <i>Cấp huyện</i> | | | | 60 | |
| | - <i>Cấp xã</i> | | | | 55 | |

Phụ lục II
CÁC NHIỆM VỤ CỤ THỂ NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CUNG CẤP,
SỬ DỤNG DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh Bình Phước)

| Stt | Nhiệm vụ | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Thời gian hoàn thành |
|-----------|--|------------------------------|---|----------------------|
| I | Hoàn thiện các văn bản quy định | | | |
| 1 | Tham mưu Nghị quyết của HĐND tỉnh về giảm phí, lệ phí đối với việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến | Sở Tài chính | Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố | Tháng 6/2023 |
| 2 | Tham mưu giao chỉ tiêu về cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến | Sở Thông tin và Truyền thông | Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố | Hàng năm |
| 3 | Tham mưu UBND tỉnh Công bố Quyết định ban hành dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công một phần | Văn phòng UBND tỉnh | Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố | Tháng 6/2023 |
| 4 | Tham mưu UBND tỉnh ban hành: Quy chế phối hợp giữa ngành Tài nguyên Môi trường và Thuế; quy trình luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất theo Thông tư số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016; Kế hoạch triển khai xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu đất đai năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bình Phước. | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố | Năm 2023 |
| II | Rà soát nâng tối đa thủ tục hành chính được cung cấp thành dịch vụ công trực tuyến; Nâng cao hiệu quả sử dụng dịch vụ công trực tuyến | | | |

| Stt | Nhiệm vụ | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Thời gian hoàn thành |
|------------|--|--|---|-----------------------------|
| 1 | Rà soát thủ tục hành chính đủ điều kiện cung cấp đưa lên dịch vụ công trực tuyến | Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố | Văn phòng UBND tỉnh | Thường xuyên |
| 2 | Rà soát 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình | Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố | Sở Thông tin và Truyền thông | Thường xuyên |
| 3 | Tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia | Văn phòng UBND tỉnh | Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố | Năm 2023 |
| 4 | Triển khai thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Bình Phước | Công an tỉnh | Các Sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố | Thường xuyên |
| 5 | Triển khai hoàn thành các nội dung, nhiệm vụ tại kế hoạch số 56/KH-TCTTKĐA ngày 23/02/2023 của UBND tỉnh | | | Năm 2023 |
| 6 | Triển khai thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính | Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn | Sở Thông tin và Truyền thông | Năm 2023 |
| 7 | Triển khai thực hiện số hóa hồ sơ tiếp nhận thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa | Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn | Văn phòng UBND tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông | Thường xuyên |
| 8 | Chuẩn hóa dữ liệu thủ tục hành chính, đảm bảo dữ liệu thủ tục hành chính được đồng bộ, thống nhất giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh với Cổng dịch vụ công Quốc gia | Văn phòng UBND tỉnh | Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố | Thường xuyên |
| 9 | Giao nhiệm vụ cho Tổ công nghệ số cộng đồng và | UBND các huyện, thị xã, thành | Sở Thông tin và Truyền | Thường xuyên |

| Stt | Nhiệm vụ | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Thời gian hoàn thành |
|-----|---|------------------------------------|--|----------------------|
| | đề án 06, trong đó thành viên tổ công nghệ số và đề án 06 đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn, hỗ trợ từng người dân tự sử dụng dịch vụ công trực tuyến để đảm bảo mỗi hộ gia đình có ít nhất 01 người biết cách sử dụng tài khoản VNeID, đăng nhập và sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên các Cổng dịch vụ công | phó; UBND các xã, phường, thị trấn | thông; Công an tỉnh | |
| 10 | Số hóa dữ liệu hộ tịch trên nền CSDL Quốc gia về dân cư theo Kế hoạch 138/KH-UBND, ngày 27/4/2023 của UBND tỉnh về cao điểm nhập dữ liệu sổ hộ tịch vào hệ thống điện tử trên nền cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trên địa bàn tỉnh Bình Phước và theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp | Sở Tư pháp | Công an tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông | Năm 2023 |
| 11 | Triển khai kết nối cấp đổi GPLX trực tuyến liên thông giữa ngành Giao thông vận tải và Y tế theo quy định tại Công văn số 7586/BYT-KCB ngày 30/12/2022. | Sở Giao thông vận tải | Sở Y tế và các sở, ngành liên quan | Tháng 7/2023 |
| 12 | Triển khai số hóa đồ án quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh để đăng tải lên nền tảng GIS của tỉnh | Sở Xây dựng | Sở Giao thông vận tải và các sở, ngành liên quan | Năm 2023 |
| 13 | Triển khai: xây dựng và số hóa cơ sở dữ liệu ngành tài nguyên môi trường; Cổng thông tin đất đai để chia sẻ dữ liệu, cung cấp thông tin đất đai trên bản đồ số; hệ thống phần mềm quản lý đất đai trên toàn tỉnh | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn | |

| Stt | Nhiệm vụ | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Thời gian hoàn thành |
|-----|---|---|--|----------------------|
| 14 | Triển khai 100% cơ sở y tế trang bị hệ thống điện tử, kết nối liên thông nền tảng PARC, HIS, LIS, EMR...cho các cơ sở y tế trên toàn tỉnh hướng tới xây dựng hồ sơ SKĐT toàn dân | Sở Y tế | Sở TT&TT và các sở, ngành liên quan | Năm 2023 |
| 15 | Triển khai nền tảng hồ sơ sức khỏe điện tử để đảm bảo các thông tin: Dữ liệu cá nhân (thông tin hành chính), Bệnh án điện tử, Y tế dự phòng (thông tin tiêm chủng), Quản lý An toàn vệ sinh thực phẩm, tình hình khám chữa bệnh; người dân có tài khoản theo dõi thông tin sức khỏe cá nhân | | | |
| 16 | Triển khai hóa đơn điện tử từ máy tính tiền giai đoạn 2 theo lộ trình, kế hoạch của Tổng Cục thuế | Cục thuế tỉnh | Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn | Năm 2023 |
| 17 | Chỉ đạo thực hiện tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên các phương tiện thông tin đại chúng | Sở Thông tin và Truyền thông | Đài Phát thanh- Truyền hình và Báo Bình Phước | Thường xuyên |
| 18 | Triển khai số hóa đồ án quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt thuộc thẩm quyền của UBND huyện, thị xã, thành phố để đăng tải lên nền tảng GIS của tỉnh | UBND các huyện, thị xã, thành phố | Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng và các sở, ngành liên quan | Năm 2023 |
| 19 | Tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức; bồi dưỡng, tập huấn, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tiếp nhận, sử dụng hiệu quả các dịch vụ công trực tuyến do cơ quan nhà nước cung cấp | Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố | Sở Thông tin và Truyền thông | Thường xuyên |
| 20 | Giao chỉ tiêu 100% cán bộ, công chức, viên chức | Các Sở, ban, ngành; UBND | Sở Thông tin và Truyền | Hằng năm |

| Stt | Nhiệm vụ | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Thời gian hoàn thành |
|------------|--|--|---|--|
| | sử dụng dịch vụ công trực tuyến và tuyên truyền, hướng dẫn người thân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, hạn chế nộp hồ sơ trực tiếp; thanh toán điện tử không dùng tiền mặt | các huyện, thị xã, thành phố | thông | |
| III | Hoàn thiện hạ tầng, đảm bảo các điều kiện thuận lợi cho cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến | | | |
| 1 | Tiếp tục tái cấu trúc hạ tầng công nghệ thông tin, đảm bảo điều kiện vật chất tại đơn vị và bộ phận một cửa các cấp | Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn | Văn phòng UBND tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông | Thường xuyên |
| 2 | Nâng cấp, hoàn thiện Hệ thống thông tin giải quyết TTHC đảm bảo đáp ứng Thông tư số 22/2019/TT-BTTTT ngày 31/12/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông | Sở Thông tin và Truyền thông | Viettel Bình Phước | Thường xuyên |
| 3 | Triển khai Kho dữ liệu hồ sơ thủ tục hành chính | Sở Thông tin và Truyền thông | Viettel Bình Phước Viễn Thông Bình Phước | Năm 2023 |
| 4 | Tham mưu thực hiện đầu tư trang thiết bị nhằm đẩy nhanh việc phục vụ vận hành cơ sở dữ liệu đất đai. | Sở Tài nguyên và Môi trường | Sở Tài chính, TT&TT và các sở ngành liên quan | Năm 2023 |
| IV | Thông kê, báo cáo | | | |
| 1 | Định kỳ báo cáo tiến độ thực hiện và kết quả các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao chủ trì thực hiện | Các sở, ban, ngành | | Hàng quý (trước ngày 15 của tháng cuối quý) |